TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **169**/2023/HS-PT
Ngày: 11-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Long Châu

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương

Ông Nguyễn Trung Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đồng Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường 2 - trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 72/2023/TLPT-HS ngày 27 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Trần Đức T; do có kháng cáo của bị cáo Trần Đức T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 515/2022/HS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- *Bị cáo có kháng cáo*:

Trần Đức T, sinh năm 1995 tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, khu phố T, phường T1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Tổ B1, khu phố C, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Trần Đức M, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1965; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo đang tại ngoại.

- *Bị hại*: Chị Trần Mộng Tố T1, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp H, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo T, bị hại T1 có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đức T và chị Trần Mộng Tố T1 ngụ tại xã S, huyện T là chị em ruột. Khoảng 08 giờ ngày 15/02/2021, tại nhà của mẹ T và chị T1 thuộc tổ B1, khu phố C, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, T hỏi mượn 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Vespa, biển số 60H1-223.92 của chị T1 để đi công việc thì được chị T1 đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô trên đến khu vực Bệnh viện Thánh Tâm thuộc phường T1, thành phố B để chơi đánh bạc, hình thức lắc bầu cua và bị thua hết số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Do thua hết tiền nên T nảy sinh ý định mang chiếc xe của chị T1 đi cầm để lấy tiền chơi đánh bạc tiếp. Thực hiện ý định trên, T mang chiếc xe mô tô trên đến khu vực thuộc khu phố H, phường L, thành phố B cầm cho V (không rõ họ, địa chỉ) được số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Số tiền này T đã sử dụng 14.700.000 đồng (mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) để tiếp tục đánh bạc, 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) mua ma túy sử dụng, số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân hết. Sự việc xảy ra, chị T1 đến Công an phường D trình báo, Công an phường D lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành B điều tra, xử lý.

Vật chứng thu giữ, gồm:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vespa, biển số 60H1-223.92 thuộc sở hữu của chị Trần Mộng Tố T1. Sau khi T mang chiếc xe trên đi cầm cho V thì có 02 (hai) thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) đã liên lạc với chị T1 để chuộc lại xe. Sau đó chị T1 đưa số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) cho 02 người thanh niên trên và đã nhận lại xe.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Mastel, màu xanh thuộc sở hữu của Trần Đức T do không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã giao trả lại cho T.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 301/KL-HĐĐGTS ngày 26/7/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: “01 (một) xe mô tô, gắn máy biển số 60H1-223.92 có giá trị định giá tài sản là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng)”.

Trách nhiệm dân sự: Chị Trần Mộng Tố T1 đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

Tại Bản án sơ thẩm số 515/2022/HS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã tuyên xử bị cáo **Trần Đức T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25/11/2021, bị cáo T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, xã hội tại địa phương. Cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù là phù hợp. Kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Khoảng 08 giờ ngày 15/02/2021, tại nhà thuộc tổ B1, khu phố C, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Trần Đức T đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô biển số 60H1-223.92 của chị Trần Mộng Tố T1, đến ngày 30/7/2022 Trần Đức T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B khởi tố theo quy định. Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

[3] Tại Bản kết luận định giá tài sản số 301/KL-HĐĐGTS ngày 26/7/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: "01 (một) xe mô tô, gắn máy biển số 60H1-223.92 có giá trị định giá tài sản là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng)".

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/12/2022 bị hại có đơn xin bãi nại, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phù hợp quy định pháp luật, nên không có cơ sở xem xét kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đức T về hình phạt, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 515/2022/HS-ST ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử phạt: Bị cáo **Trần Đức T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù** về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND thành phố Biên Hòa;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Phòng PV 06 - CA tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Long Châu